CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

Ngày 30/06/2025	17,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**-**	**5.1%**

DT thuần
Q2/25
181
tỷ VNĐ
QoQ: ▼685| -79.1%
YoY: ▼70.0| -27.8%

LN thuần
Q2/25
15.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼430| -96.5%
YoY: ▲ 5.50| 53.7%

LN sau thuế
Q2/25
2.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▼349| -99.3%
YoY: ▼5.66| -69.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
20.8%
YoY: +/-▼ 32.9%

ROE (TTM)
Q2/25
21.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

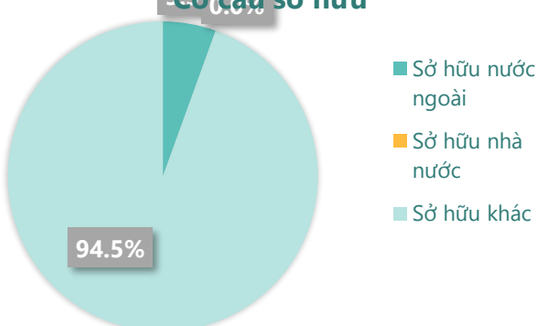
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,700 - 21,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,590
Số lượng CPLH (CP)	148,003,208
KLGD BQ 20 phiên (CP)	575,655
Sở hữu nước ngoài	5.5%
Beta	0.79
EPS	3,222
P/E	5.4

DT thuần
6T 2025
1,048
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 687| 190%

LN thuần
6T 2025
462
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 429| 1280%

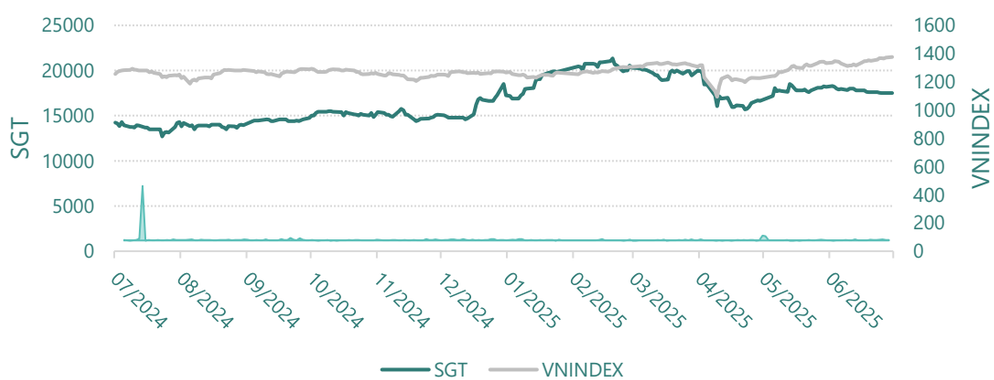
LN sau thuế
6T 2025
354
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 341| 2538%

Cơ cấu sở hữu

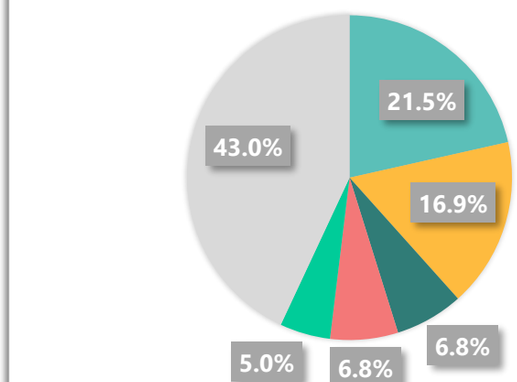


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



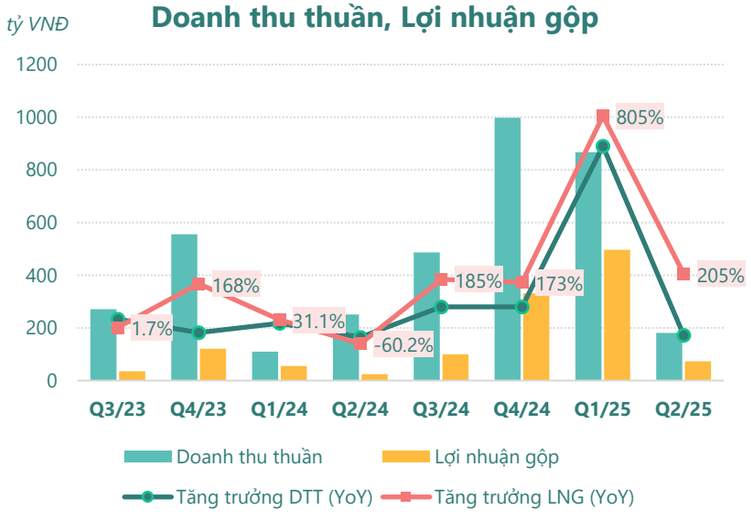
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

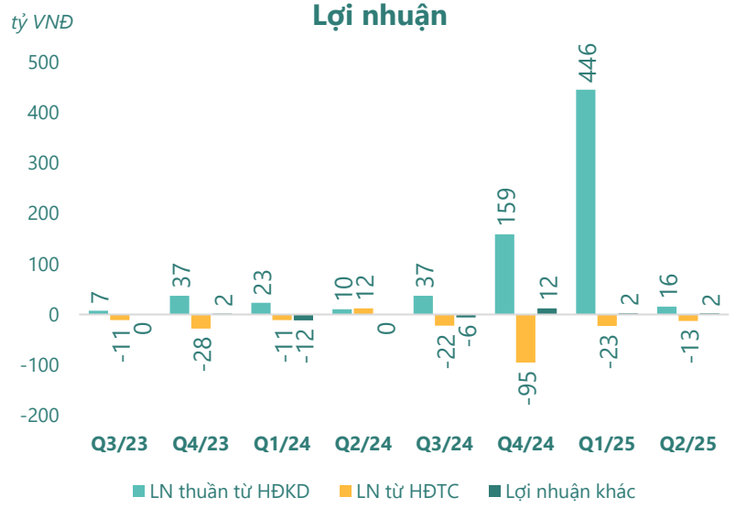
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



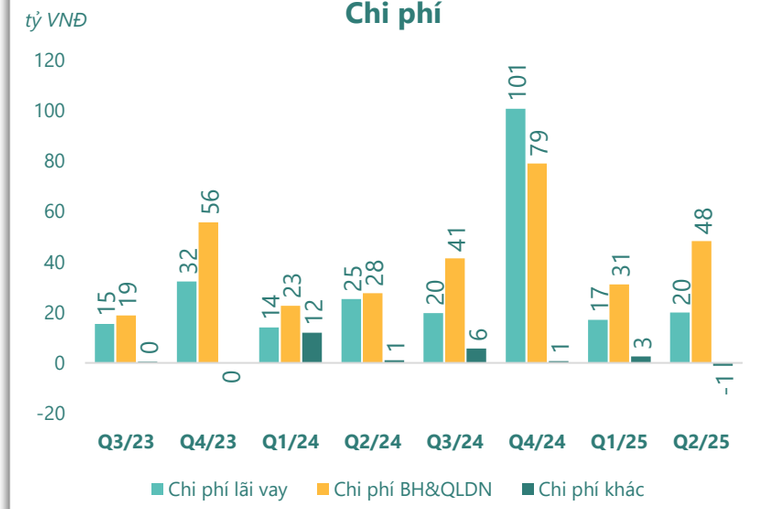
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



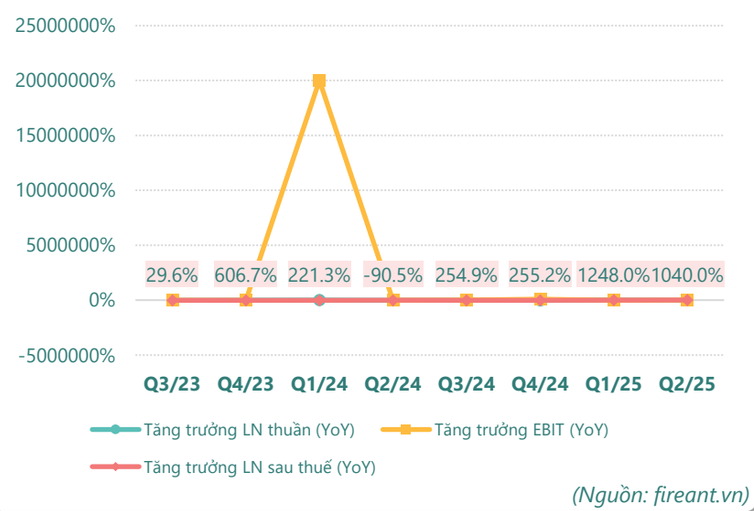
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



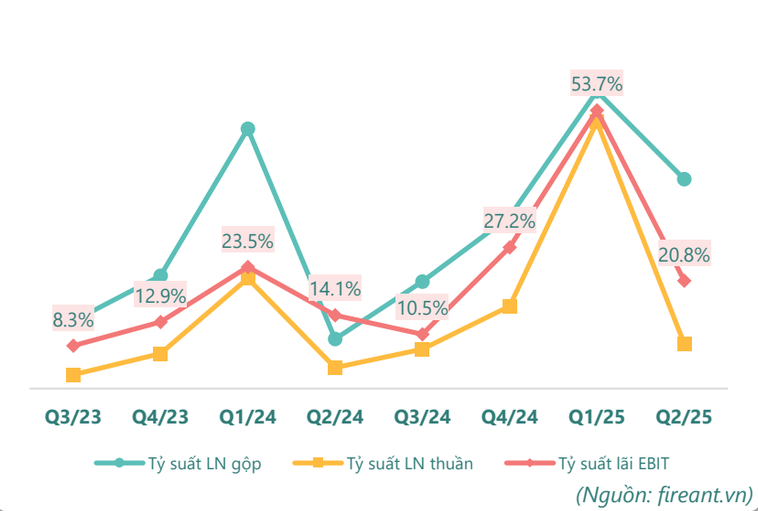
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



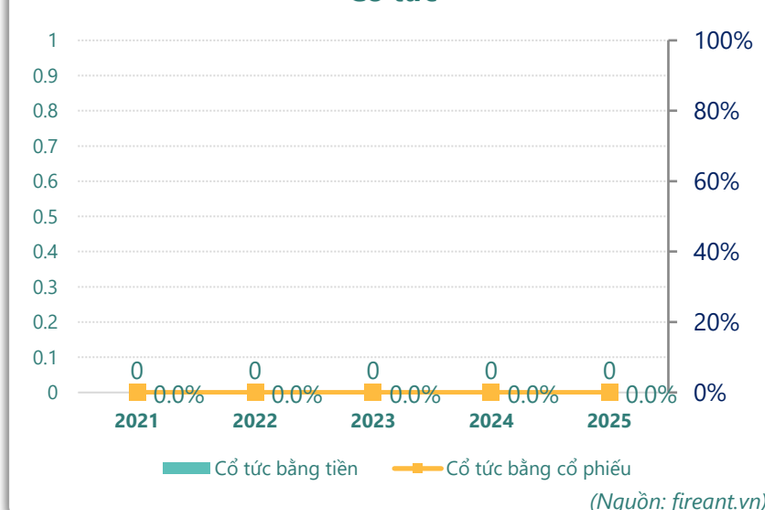
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

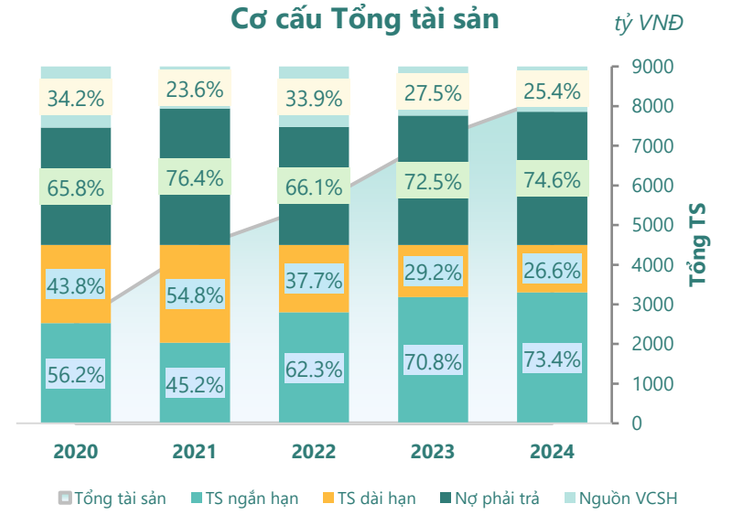
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

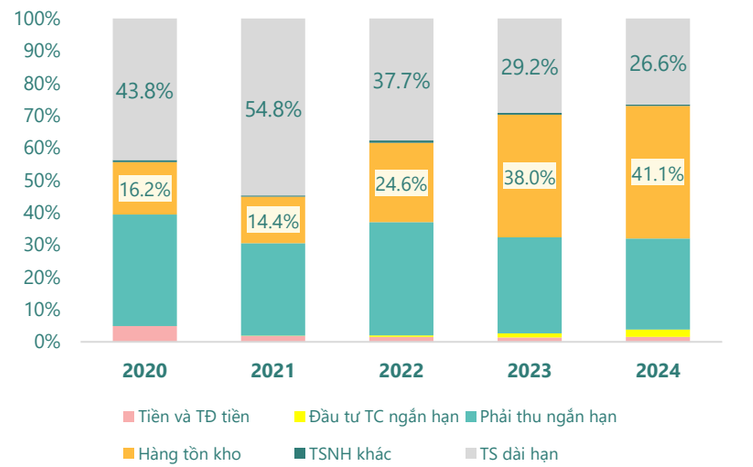
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



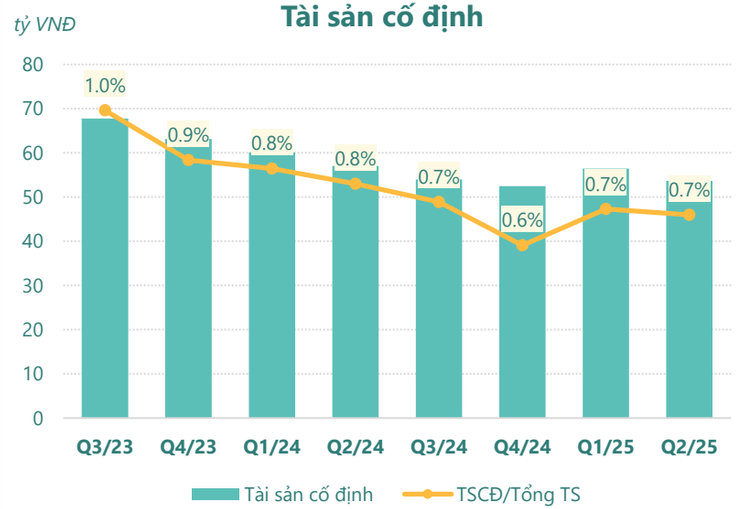
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



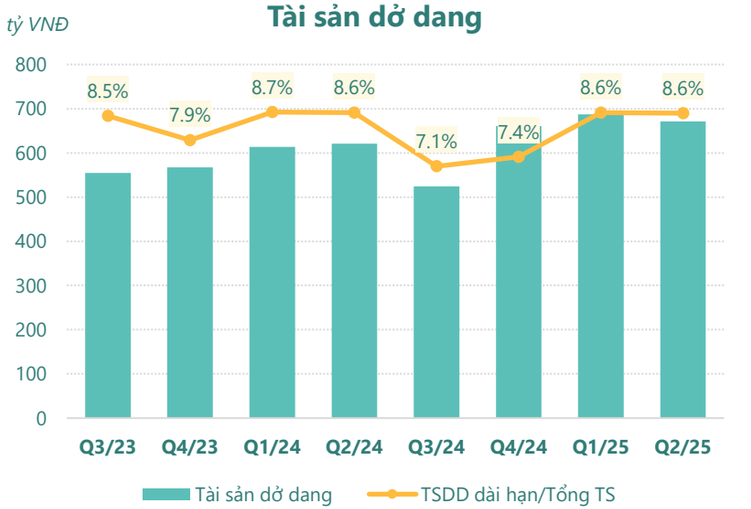
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



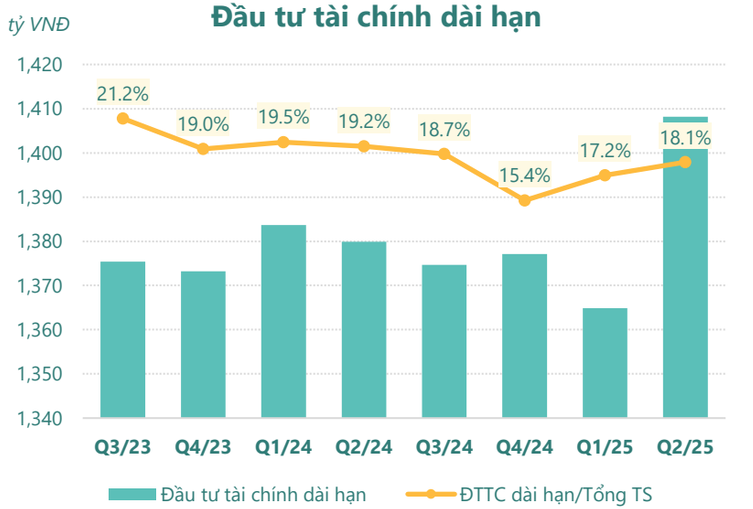
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



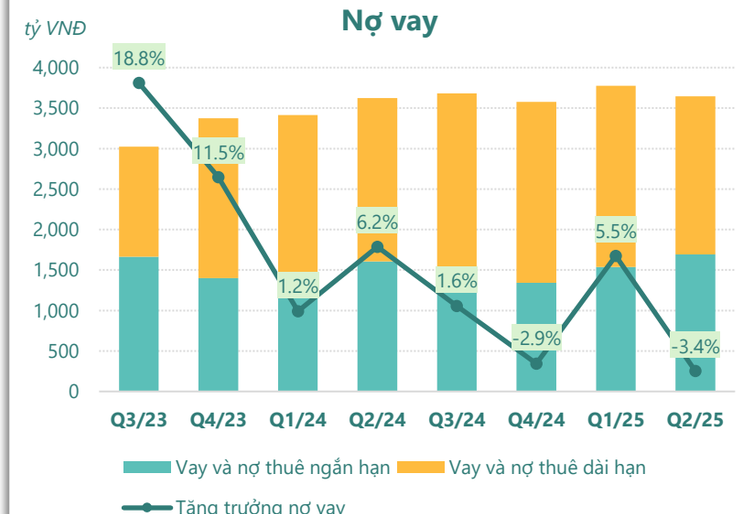
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

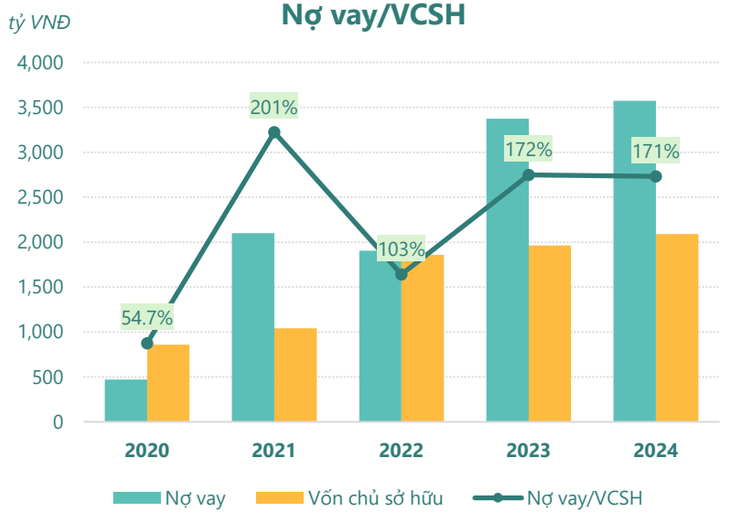
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

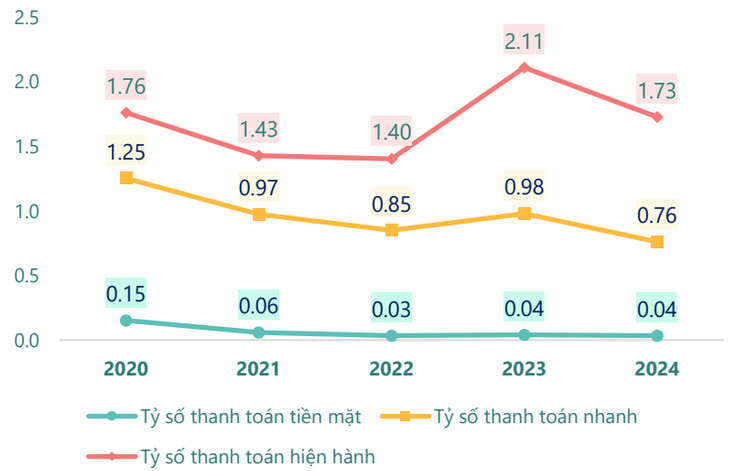
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



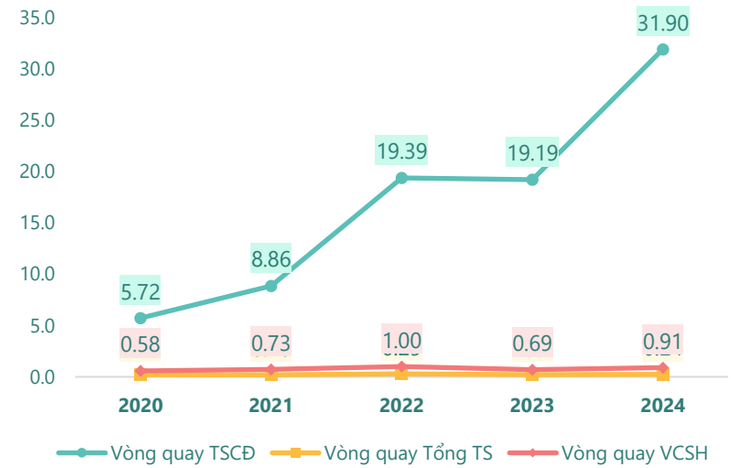
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



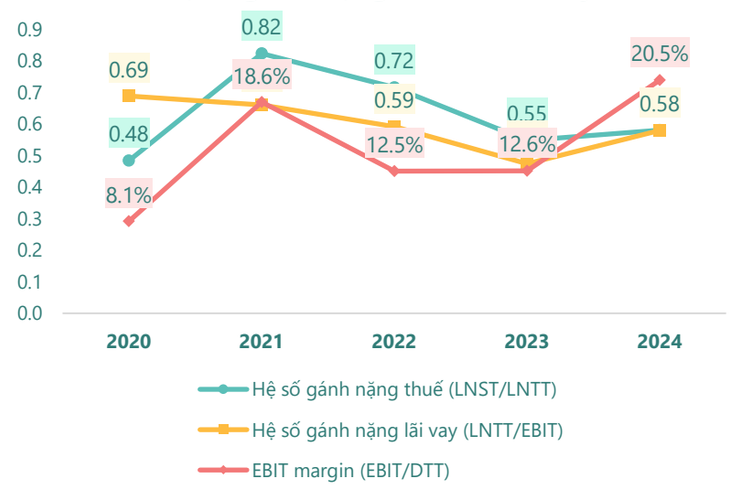
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



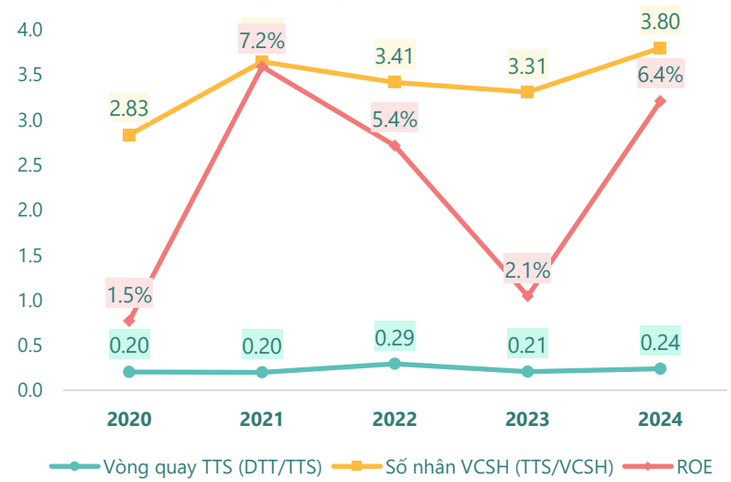
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



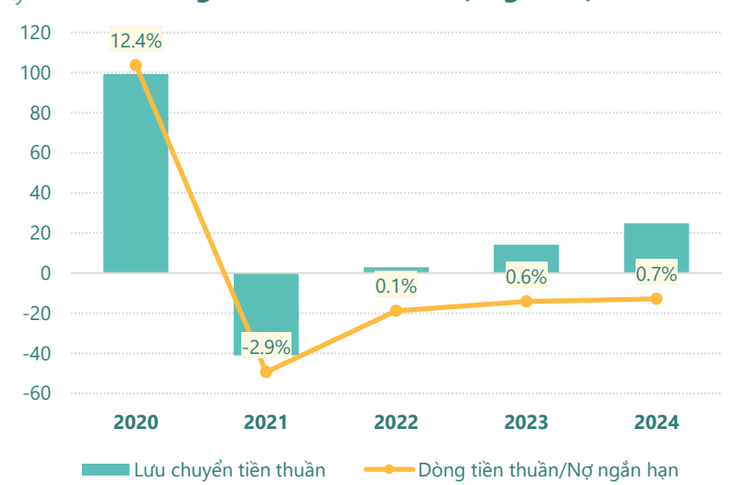
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**181**	**251**	**-27.8%**	**1,048**	**361**	**190%**
Giá vốn hàng bán	108	227	-52.4%	478	282	69.4%
Lợi nhuận gộp	73.2	24.0	205%	570	78.9	622%
Doanh thu HĐTC	7.39	43.1	-82.8%	12.1	46.2	-73.9%
Chi phí TC	20.2	30.8	-34.5%	47.8	44.8	6.6%
Chi phí lãi vay	20.0	25.4	-21.3%	37.1	39.4	-5.9%
LN trong công ty LKLD	**3.53**	**1.47**	**140%**	**6.69**	**3.46**	**93.3%**
Chi phí bán hàng	0.43	0.46	-6.9%	2.67	0.75	254%
Chi phí QLDN	**47.9**	**27.1**	**76.7%**	**76.8**	**49.6**	**54.9%**
LN thuần từ HĐKD	15.7	10.2	53.7%	462	33.5	1280%
Lợi nhuận khác	**2.04**	**-0.01**	**20460%**	**4.08**	**-11.6**	**135%**
LN trước thuế	17.7	10.2	73.6%	466	21.8	2032%
Lợi nhuận sau thuế	**2.49**	**8.15**	**-69.5%**	**354**	**13.4**	**2538%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.36**	**9.41**	**-64.3%**	**358**	**15.5**	**2217%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.3	-217	-141	318	106	-0.94
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-56.9	10.0	101	-159	-260	-6.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	40.2	216	56.4	-131	152	-79.0
Tiền đầu kỳ	98.8	69.8	78.8	95.4	124	121
Lưu chuyển tiền thuần	**-29.0**	**8.99**	**16.6**	**28.2**	**-2.63**	**-86.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.06	-0.06	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	69.8	78.8	95.4	124	121	34.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,784**	**8,245**	**-5.6%**
Tài sản ngắn hạn	5,526	6,055	-8.7%
Tiền và tương đương tiền	34.9	124	-71.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	225	187	20.1%
Phải thu ngắn hạn	1,580	2,323	-32.0%
Hàng tồn kho	3,621	3,385	6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	65.4	35.9	82.2%
Tài sản dài hạn	**2,258**	**2,190**	**3.1%**
Phải thu dài hạn	68.3	74.8	-8.7%
Tài sản cố định	53.7	52.5	2.3%
Bất động sản đầu tư	44.6	15.4	190%
Tài sản dở dang	671	662	1.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,408	1,372	2.6%
Tài sản dài hạn khác	**5.29**	**5.03**	**5.1%**
Lợi thế thương mại	6.50	7.50	-13.3%
Nợ phải trả	5,339	6,153	-13.2%
Nợ ngắn hạn	**3,023**	**3,503**	**-13.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,692	1,395	21.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	358	509	-29.7%
Nợ dài hạn	2,315	2,651	-12.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,953	2,177	-10.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,445**	**2,091**	**16.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,445**	**2,091**	**16.9%**
Vốn điều lệ	1,480	1,480	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)